

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;

2. Ông Lê Thành Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố 6, phường T, Tp.H.

- Bị đơn: Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ thường trú: Khu phố 6, phường T, Tp.H.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 8, tổ 17, khu phố M, phường B, Tp.H.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị N bày:

Bà Đỗ Thị N và ông Trần Tấn Đ tự nguyện chung sống thực tế, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2016 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh B (nay là phường T, Tp.H). Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 28/02/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ông Đ có hành vi hành hung, đánh đập đối với bà N. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được. Bà N có đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tấn Đ;
- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 28/02/2018. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND khu vực 18 cho đến khi kết thúc vụ án.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Tấn Đ trình bày:

Ông thống nhất như các ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đã nêu về thời điểm chung sống, con chung, mâu thuẫn vợ chồng và các vấn đề khác.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông đồng ý giao cho bà Đỗ Thị N được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 28/02/2018. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại khu phố 6, phường T, Tp.H, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét bà Đỗ Thị N và ông Trần Tấn Đ tự nguyện chung sống thực tế, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2016 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh B (nay là phường T, Tp.HCM), nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được. Phía ông Đ cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với bà N. Do vậy, việc bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận (theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Về con chung: Các đương sự đều thống nhất thỏa thuận với nhau nên HĐXX giao cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 28/02/2018 cho bà Đỗ Thị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Đồng thời, HĐXX cũng ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, quá trình tố tụng các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đối với bị đơn ông Trần Tấn Đ về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N được ly hôn với bị đơn ông Trần Tấn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 28/02/2018 cho bà Đỗ Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị N về việc không yêu cầu ông Trần Tấn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông Đ được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0003703 ngày 16/7/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 18 – Tp.HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 – Tp.H;
- UBND phường T, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành